

Số: 2328/BVĐKĐG-VTTB

Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2026

V/v mời chào giá
Vật tư chuyên khoa mắt

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp vật tư y tế tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Đức Giang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu vật tư chuyên khoa mắt.

Bệnh viện kính mời các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh có khả năng cung cấp, quan tâm chào giá, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Đức Giang - Số 54 Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội.
2. Mọi thông tin cần liên hệ về báo giá: DS.Nguyễn Thị Phương Nhung – Phòng Vật tư Thiết bị Y tế- ĐT: 038.6922.866 hoặc số 024 3871.1751 để được hỗ trợ
3. Báo giá (Theo mẫu phụ lục II đính kèm)

Báo giá được tiếp nhận đồng thời theo hình thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Văn thư – Tầng 1, Nhà A, Bệnh viện Đa khoa Đức Giang - Số 54 phố Trường Lâm, phường Việt Hưng, thành phố Hà Nội (ĐT: 093 689 0489)
 - Nhận qua Email: bvdkdg@hanoi.gov.vn ; vtbtyducgiang@gmail.com.
4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ ngày 04 tháng 9 năm 2026 đến 11h30 ngày 17 tháng 9 năm 2026.
 5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư y tế (Kèm theo phụ lục I).
2. Địa điểm giao hàng: Kho Vật tư Y tế - Bệnh viện Đa khoa Đức Giang - Số 54 Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội.
3. Thời gian giao hàng dự kiến: Theo từng đợt trong năm 2026-2027, bắt đầu từ Quý IV năm 2026

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không tạm ứng. Bệnh viện thanh toán theo từng đợt, sau khi thực hiện hợp đồng và đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp lệ.

Rất mong nhận được sự quan tâm của Quý đơn vị.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VTTB(TUÁN).



GIÁM ĐỐC

Đỗ Đình Tùng

DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI CHÀO GIÁ

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật, quy cách
1	Thủy tinh thể 2 tiêu cự	Cái	550	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 1 mảnh. Chất liệu: Acrylic hydrophyllic 2. Lọc tia cực tím (UV), lọc ánh sáng tím hoặc lọc ánh sáng xanh 3. Chỉ số khúc xạ ≥ 1.46. 4. Thiết kế optic: phi cầu; đa tiêu nhiều xạ. Các vòng nhiễu xạ nằm ở vùng trung tâm. 5. Đường kính quang học (optic): 6.0mm, đường kính tổng $\geq 11\text{mm}$ 6. Đặc điểm càng: 4 càng hoặc 2 càng (càng chữ C) 7. Dải công suất (Dãy diop): tối thiểu từ +10D đến +30D, bước nhảy 0.5D. Công suất cộng thêm nằm trong khoảng +3.0D đến + 3.75D cho thị lực nhìn gần 8. Kích thước vết mờ: $\leq 2.2\text{mm}$ (Đặt được qua vết mờ $\leq 2.2\text{mm}$) 9. Thủy tinh thể nhân tạo được đi kèm hoặc lắp sẵn trong súng (Injector) 10. Tiêu chuẩn: Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 và có chứng nhận CE hoặc được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định
2	Thủy tinh thể ba tiêu cự	Cái	155	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 1 mảnh, 1 chất liệu Acrylic hydrophyllic, hàm lượng nước 25-26%. 2. Lọc tia cực tím (UV), lọc ánh sáng xanh. 3. Chỉ số khúc xạ 1.46 4. Thiết kế phi cầu. Vòng ngăn tế bào sau gồm cạnh vuông và gờ vuông 360° mặt sau optic. 5. Đặc điểm càng: 2 càng (càng chữ C) 6. Đường kính quang học (optic): 6mm, đường kính tổng 12.5mm -13mm. 7. Dải công suất (Dãy diop): tối thiểu từ +10.0D.0 D đến +30.0D, bước nhảy 0.5D. Công suất bổ sung tầm nhìn gần + 3.5D, công suất bổ sung cho tầm nhìn trung gian +1.75D 8. Thủy tinh thể nhân tạo được kèm dụng cụ đặt kính hoặc lắp sẵn trong bộ dụng cụ đặt. 9. Kích thước vết mờ: $\leq 2.2\text{mm}$ (Đặt được qua vết mờ $\leq 2.2\text{mm}$) 10. Tiêu chuẩn: Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 và có chứng nhận CE hoặc được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định 11. Xuất xứ: Nhóm các nước thuộc G7 hoặc châu Âu

3	Thủy tinh thể đa tiêu kéo dài tiêu cự	Cái	110	1. Chất liệu: Acrylic Hydrophilic ngâm nước 25% hoặc Copolymer 2. Kính trong suốt, Lọc tia cực tím (UV) 3. Nguyên lý quang học: Nhiều xạ hoặc khúc xạ hoặc cả 2 4. Thiết kế optic: Bờ (rìa) vuông 360 độ. Đường kính quang học (optic): 6mm 5. Không bị hiện tượng bọt khí (Glistening) 6. Thiết kế, cấu tạo của thủy tinh thể: Phi cầu 7. Số tiêu cự: Đa tiêu cự kéo dài hoặc đa tiêu cự, lấy nét chuyển tiếp liên tục 8. Tiêu điểm: Công suất bỏ sung nhìn gần hoặc cho tiêu điểm mọi tầm nhìn tối thiểu trong khoảng: +1.9D đến +3.0D 9. Kích thước vết mờ: $\leq 2.2\text{mm}$ (Đặt được qua vết mờ $\leq 2.2\text{mm}$) 10. Chỉ số khúc xạ: 1.46 11. Lắp đặt: Lắp sẵn trong cartridge kèm dụng cụ đặt kính 12. Dải công suất (Dãy diop): tối thiểu từ +1.0D đến +30.0D, bước nhảy $\leq 0.5\text{D}$ 13. Tiêu chuẩn: Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 và có chứng nhận CE hoặc được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định. 14. Xuất xứ: Nhóm các nước thuộc G7 hoặc châu Âu
4	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu kéo dài tiêu cự	Cái	500	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu kéo dài tiêu cự 2. Chất liệu: Acrylic hỗn hợp (Copolymer) 3. Lọc tia cực tím (UV) 4. Đặc điểm càng: 4 càng hoặc 2 càng (càng chữ C) cùng chất liệu với thấu kính quang học 5. Thiết kế thấu kính quang học: phi cầu, kéo dài tiêu cự công nghệ EDOF 6. Đường kính quang học (optic): 6mm, đường kính tổng $\geq 11\text{mm}$ 7. Dải công suất (Dãy diop): tối thiểu từ +5D đến +30D, bước nhảy 0.5D 8. Thủy tinh thể nhân tạo được đặt sẵn trong cartridge kèm dụng cụ đặt kính hoặc lắp sẵn trong bộ dụng cụ đặt. 9. Kích thước vết mờ: $\leq 2.2\text{mm}$ (Đặt được qua vết mờ $\leq 2.2\text{mm}$) 10. Tiêu chuẩn: Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 và có chứng nhận CE hoặc được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định 11. Xuất xứ: Nhóm các nước thuộc G7 hoặc châu Âu

5	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự điều chỉnh loạn thị	Cái	120	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, điều chỉnh loạn thị 2. Chất liệu Acrylic ngâm nước hoặc Copolymer. 3. Lọc tia cực tím (UV), trong suốt (không nhuộm màu) 4. Thiết kế vùng quang học: phi cầu 5. Thiết kế cạnh dạng đĩa 4 điểm tựa hoặc cạnh 4 điểm cố định, có bờ vuông chống đục bao sau 360 độ. 6. Đường kính quang học (optic): 6mm. 7. Dải công suất (Dãy diop): tối thiểu từ +5D đến +32D, bước nhảy (mức tăng) 0.5D; Độ loạn thị tối thiểu (Dải công suất điều chỉnh loạn thị) từ +1.0D đến +6.0D, bước nhảy trong khoảng 0.5D-0.75D. 8. Thủy tinh thể nhân tạo được kèm dụng cụ đặt kính hoặc lắp sẵn trong bộ dụng cụ đặt 9. Kích thước vết mờ: $\leq 2.2\text{mm}$ (Đặt được qua vết mờ $\leq 2.2\text{mm}$) 10. Tiêu chuẩn chất lượng: Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 và có chứng nhận CE hoặc được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định 11. Xuất xứ: Nhóm các nước thuộc G7 hoặc châu Âu
6	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự, kỳ nước	Cái	420	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh, phi cầu, chất liệu Hydrophobic acrylic 2. Lọc tia cực tím (UV), Lọc ánh sáng xanh. Không có hiện tượng chói (Glistening) 3. Đường kính quang học (optic): nằm trong khoảng 5,8 đến 6mm, dài trong khoảng 11-13mm 4. Chỉ số khúc xạ: ≥ 1.54. 5. Quang sai cầu: nằm trong khoảng -0,16μm đến 0μm 6. Đặc điểm cạnh: 2 cạnh (càng chữ C) 7. Dải công suất (Dãy diop): tối thiểu từ + 10D đến +30D. 8. Kích thước vết mờ: $\leq 2.2\text{mm}$ (Đặt được qua vết mờ $\leq 2.2\text{mm}$) 9. Thủy tinh thể nhân tạo lắp sẵn trong bộ dụng cụ đặt 10. Tiêu chuẩn: Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 và FDA (Mỹ) hoặc MHL W/PMMA (Nhật Bản) hoặc CE (MDR)
7	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự, hỗn hợp	Cái	540	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh, phi cầu 2. Chất liệu vùng quang học: Acrylic hỗn hợp (Copolymer) ngâm nước $\leq 25\%$ 3. Lọc tia cực tím (UV), không lọc ánh sáng xanh. 4. Đặc điểm cạnh: 4 cạnh hoặc hình phiên, cùng chất liệu vùng quang học, góc cạnh $\geq 5^\circ$ 5. Đường kính quang học (optic): 6,0mm 6. Dải công suất (Dãy diop): tối thiểu từ + 5D đến +35D, bước nhảy +0.5D đến +1.0D 7. Kích thước vết mờ: $\leq 2.2\text{mm}$ (Đặt được qua vết mờ $\leq 2.2\text{mm}$) 8. Thủy tinh thể lắp sẵn trong dụng cụ đặt hoặc lắp sẵn trong cartridge kèm dụng cụ đặt. 9. Tiêu chuẩn: Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 và có chứng nhận CE hoặc được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định 10. Xuất xứ: Nhóm các nước thuộc G7 hoặc châu Âu

8	Thủy tinh thể nhân tạo đa tiêu cự điều chỉnh loạn thị	Cái	50	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm. 2. Chất liệu Acrylic hydrophobic kỵ nước 3. Lọc tia cực tím (UV), lọc ánh sáng xanh 4. Thiết kế vùng quang học: phi cầu, điều chỉnh loạn thị 5. Đặc điểm càng: 2 càng (càng chữ C) hoặc càng chữ L 6. Đường kính quang học (optic): 6,0mm 7. Dải công suất (Dãy diop): tối thiểu từ + 10D đến +30D tăng đều 0,5D; độ loạn thị tối thiểu từ +1.5D đến +3.0D. 8. Thủy tinh thể được lắp sẵn trong bộ dụng cụ đặt. 9. Kích thước vết mổ: $\leq 2.2\text{mm}$ (Đặt được qua vết mổ $\leq 2.2\text{mm}$) 10. Tiêu chuẩn: Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 và có chứng nhận CE hoặc được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định
9	Chất nhày (2% Hydroxypropyl Methylcellulose)	Ống	520	Thành phần: 2% Hydroxypropyl Methylcellulose Độ thấm thấu $\geq 250 \text{ mOsmol/kg}$ Độ nhớt $\geq 3.000 \text{ mPas}$ hoặc $\geq 3.000 \text{ cPs}$ Độ pH: 6.8-7.6 Đóng gói vô trùng. Thể tích $\geq 2\text{ml}$ Tiêu chuẩn: Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485
10	Chất nhày phân tử lượng cao	Ống	530	Khối lượng phân tử: ≥ 3 triệu Daltons Độ thấm thấu $\geq 320 \text{ mOsmol/kg}$ Độ nhớt $\geq 500.000 \text{ mPas}$ Độ pH: 6.8-7.6 Đóng gói vô trùng. Thể tích $\geq 1\text{ml}$ Tiêu chuẩn: Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 và có chứng nhận CE hoặc được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định Xuất xứ: Nhóm các nước thuộc G7 hoặc châu Âu
11	Dao crescent	Cái	110	Dao chuyên dùng trong phẫu thuật mổ: Chất liệu lưỡi thép không gỉ, chống lóa, 2 mặt vát, góc gấp (góc nghiêng) $\geq 45^\circ$, lưỡi tròn, độ rộng 2.0-2.3mm, đã tiệt trùng, để sẵn trong khay nhựa. Cán nhựa Tiêu chuẩn: Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 và có chứng nhận CE hoặc được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định. Xuất xứ: Nhóm các nước thuộc G7 hoặc châu Âu

12	Dao mổ phaco 15 độ	Cái	190	Dao chuyên dùng tạo đường mổ phụ trong phẫu thuật Phaco. Chất liệu lưới thép không gỉ, lưỡi dao chống lóa, thẳng 180 độ, mũi dao nhọn 15 độ, 2 mặt vát, đã tiệt trùng, để sẵn trong khay nhựa. Tiêu chuẩn: Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 và có chứng nhận CE hoặc được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định Xuất xứ: Nhóm các nước thuộc G7 hoặc châu Âu
13	Dao mổ phaco 2.2mm	Cái	650	Dao chuyên dùng tạo đường mổ chính trong phẫu thuật Phaco. Chất liệu lưới thép không gỉ, lưỡi dao chống lóa, 2 mặt vát, gập góc 45 độ, dày $\leq 0.14\text{mm}$, rộng 2.2mm, đã tiệt trùng, để sẵn trong khay nhựa. Tiêu chuẩn: Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 và có chứng nhận CE hoặc được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định Xuất xứ: Nhóm các nước thuộc G7 hoặc châu Âu
14	Dao mổ phaco 2.8mm	Cái	35	Dao chuyên dùng tạo đường mổ chính trong phẫu thuật Phaco. Chất liệu lưới thép không gỉ, lưỡi dao chống lóa, gập góc 45 độ, rộng 2.8mm, đã tiệt trùng, để sẵn trong khay nhựa. Tiêu chuẩn: Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 và có chứng nhận CE hoặc được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định. Xuất xứ: Nhóm các nước thuộc G7 hoặc châu Âu
15	Nhuộm bao (Chất nhuộm màu Trypan blue)	Ống	75	Thành phần: Trypan Blue 0,6 mg/ml (0.06%) Đóng gói vô trùng. Thể tích $\geq 1\text{ml}/\text{ống}$ Tiêu chuẩn: Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485
16	Dây Silicon mổ sụp mí	Cái	30	Là ống chuyên dùng dùng trong phẫu thuật treo cơ trán điều trị sụp mí. Ống có hai đầu gắn kim nhọn. Chất liệu Silicon y tế, dài $\geq 280\text{mm}$. Đóng gói vô trùng. Tiêu chuẩn: Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485
17	Ống Silicone mổ tiếp khẩu lệ mũi	Cái	15	Ống Silicone mổ tiếp khẩu lệ mũi Monoka hoặc tương đương. Là ống chuyên dùng dùng trong phẫu thuật nối tiếp nối thông lệ mũi. Chất liệu Silicon y tế có tráng Polyvinylpyrrolidone (PVP). Cấu tạo: 1 ống có nhánh cố định đoạn ngang ống lệ quán, có gắn que kim loại dẫn đường. Chiều dài ống $\geq 8\text{cm}$. Đã tiệt trùng. Tiêu chuẩn: Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485
18	Ống silicone nối lệ quán	Cái	40	Ống silicone nối lệ quán Mini Monoka hoặc tương đương. Là ống chuyên dùng dùng trong phẫu thuật nối lệ quán, phẫu thuật điều trị hẹp lệ quán ngang, lệ quán chùng. Chất liệu Silicon y tế. Cấu tạo: 1 ống có nhánh cố định đoạn ngang ống lệ quán. Chiều dài ống 4 - 6cm. Đã tiệt trùng. Tiêu chuẩn: Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 và có chứng nhận CE hoặc được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định

19	Móc móng mắt	Cái	40	Móc mềm để cố định, mở rộng đồng tử trong khi phẫu thuật phaco, chất liệu: nhựa polypropylen. Cấu trúc có nút chặn silicon có thể điều chỉnh mức độ bám. Tiêu chuẩn: Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485 và có chứng nhận CE hoặc được Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) cấp phép lưu hành đối với trang thiết bị y tế theo quy định
20	Nút điểm lệ	Cái	40	Chất liệu Silicon y tế có trắng Polyvinylpyrrolidone (PVP). Ống được gắn sẵn trên bộ đặt dùng một lần. Viên nút vát phù hợp với cấu trúc lỗ lệ. Đã tiệt trùng Tiêu chuẩn: Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485
21	Que nhuộm giác mạc Fluorescein	Que	3.500	Mỗi que được đóng gói vô khuẩn riêng, chứa 1mg Fluorescein Sodium Tiêu chuẩn: Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485
22	Vòng căng bao	Cái	40	Chất liệu PMMA trong, dẻo, dày 0.18-0.2mm. Có 2 cỡ với đường kính thường và đường kính nén tương ứng. Đường kính thường: 13/12mm. Đường kính nén: 11/10mm. Tiệt trùng bằng khí EO, đóng gói trong túi vô trùng Tiêu chuẩn: Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485

Tên công ty báo giá

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi :{ Ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá }

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của....[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau :

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan :

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Đơn vị	Cấu hình kỹ thuật báo giá	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A											
2	Thiết bị B											
n	...											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngày tháng....năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất phải cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế.
- (3) Tên, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế phải phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá.
- (4) Mã HS của thiết bị y tế phải phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá.
- (5) Năm sản xuất của thiết bị y tế phải phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá.
- (6) Xuất xứ của thiết bị y tế phải phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá.
- (7) Số lượng/khối lượng của thiết bị y tế phải phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá.
- (8) Đơn giá của thiết bị y tế phải phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá.
- (9) Chi phí cho các dịch vụ liên quan phải phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá.
- (10) Thuế, phí, lệ phí (nếu có) phải phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá.
- (11) Thành tiền của thiết bị y tế phải phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá.
- (12) Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp phải ký tên, đóng dấu (nếu có) và phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá.

- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá. Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên liên danh cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.